

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Điều 212; 213; Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 363/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trịnh Duy Ng - Sinh năm 1960

HKTT: Số nhà A, đường L, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1972

HKTT: Số nhà A, đường L, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà B, đường L, khu Đông Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 9 năm 2020, các đương sự đã xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại, nên anh, chị không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nữa và anh, chị đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ những vấn đề trong vụ việc dân sự, nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:*

[1] Về hôn nhân: Anh Trịnh Duy Ng và chị Nguyễn Thị H thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh, chị có 03 con chung là Trịnh Đức A - sinh ngày 27/11/1990; Trịnh Thị Ph - sinh ngày 24/7/1993 và Trịnh Phương M - sinh ngày 13/10/2006.

Hiện nay cháu Trịnh Đức A và cháu Trịnh Thị Ph đã thành niên, nên ly hôn anh Ng và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng đối với cháu Đức A và cháu Ph.

Ly hôn, giao cháu Trịnh Phương M - sinh ngày 13/10/2006, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi cháu H thành niên.

Anh Trịnh Duy Ng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, công nợ: Anh Trịnh Duy Ng và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ.

Anh Trịnh Duy Ng được miễn tiền lệ phí theo quy định của pháp luật

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Duy Ng và chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Công nhận các cháu Trịnh Đức A - sinh ngày 27/11/1990; Trịnh Thị Ph - sinh ngày 24/7/1993 và Trịnh Phương M - sinh ngày 13/10/2006 là con chung của anh Trịnh Duy Ng và chị Nguyễn Thị H.

Hiện nay cháu Trịnh Đức A và cháu Trịnh Thị Ph đã thành niên, nên ly hôn anh Ng và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng đối với cháu Đức A và cháu Ph.

Ly hôn, giao cháu Trịnh Phương M sinh ngày 13/10/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi cháu M thành niên.

Anh Trịnh Duy Ng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ.

Trịnh Duy Ng được miễn tiền lệ phí theo quy định tại Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND phường Hàm Rồng;
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Lê Thị Hương**